

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT
Ngày: 16-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 03/2023/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số B - B đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị L – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Q; địa chỉ liên hệ: Số D đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 75/2023/GUQ-CNQNI ngày 29/12/2023.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở: Số B - B đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1 năm 1960; địa chỉ cư trú: Số E đường C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2023.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành H2 năm 1971 và bà Đỗ Phương T năm 1982.

Cùng địa chỉ cư trú: Số B - B đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành H bà Đỗ Phương T1: Ông Nguyễn Xuân H1 năm 1960; Địa chỉ: Số E đường C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãitheo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2023.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S(sau đây viết là S)trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Q1 cho Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết là Công ty Đ) vay vốn theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-01 ngày 16/6/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-04 ngày 16/5/2022. S)đã giải ngân cho Công ty Đ) tổng số tiền là 15 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn hiệu lực 12 tháng – Thời hạn sử dụng hạn mức 06 tháng; lãi suất vay được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể (lãi suất 8,4%/năm từ ngày 08/8/2022 đến 24/8/2022; 8,5%/năm từ ngày 31/8/2022 đến 14/9/2022; 12,8%/năm từ ngày 01/11/2022 đến ngày 08/11/2022; ngày 09/11/2022 lãi suất 12%/năm; ngày 28/11/2022 lãi suất 12,8%/năm; ngày 14/12/2022 lãi suất 12,5%/năm, và được quy định trên cơ sở năm có 365 ngày; phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo 24 Giấy nhận nợ của Công ty Đ:

1.1. Giấy nhận nợ số LD2222000089 ký ngày 08/8/2022, số tiền vay: 250.000.000 đồng.

1.2. Giấy nhận nợ số LD2222100041 ký ngày 09/8/2022, số tiền vay: 400.000.000 đồng.

1.3. Giấy nhận nợ số LD2222200039 ký ngày 10/8/2022, số tiền vay: 420.000.000 đồng.

1.4. Giấy nhận nợ số LD2222300112 ký ngày 11/8/2022, số tiền vay: 480.000.000 đồng.

1.5. Giấy nhận nợ số LD2222300005 ký ngày 11/8/2022, số tiền vay: 330.000.000 đồng.

1.6 Giấy nhận nợ số LD2222900006 ký ngày 17/8/2022, số tiền vay: 800.000.000 đồng.

1.7. Giấy nhận nợ số LD2223100129 ký ngày 19/8/2022, số tiền vay: 630.000.000 đồng.

1.8. Giấy nhận nợ số LD2223400256 ký ngày 22/8/2022, số tiền vay: 800.000.000 đồng.

1.9. Giấy nhận nợ số LD2223500236 ký ngày 23/8/2022, số tiền vay: 350.000.000 đồng.

1.10. Giấy nhận nợ số LD2223500095 ký ngày 23/8/2022, số tiền vay: 1.200.000.000 đồng.

1.11 Giấy nhận nợ số LD2223600046 ký ngày 24/8/2022 Số tiền vay: 272.500.000 đồng.

1.12. Giấy nhận nợ số LD2224300208 ký ngày 31/8/2022, số tiền vay: 44.500.000 đồng).

1.13. Giấy nhận nợ số LD2224800207 ký ngày 05/9/2022, số tiền vay: 460.000.000 đồng.

1.14. Giấy nhận nợ số LD2225000094 ký ngày 07/9/2022, số tiền vay: 450.000.000 đồng.

1.15. Giấy nhận nợ số LD2225100352 ký ngày 08/9/2022, Số tiền vay: 670.000.000 đồng.

1.16. Giấy nhận nợ số LD2225200305 ký ngày 09/9/2022, Số tiền vay: 900.000.000 đồng.

1.17. Giấy nhận nợ số LD2225500329 ký ngày 12/9/2022, Số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

1.18. Giấy nhận nợ số LD2225600185 ký ngày 13/9/2022, Số tiền vay: 700.000.000 đồng.

1.19. Giấy nhận nợ số LD2225700317 ký ngày 14/9/2022, Số tiền vay: 770.000.000 đồng.

1.20. Giấy nhận nợ số LD2230800307 ký ngày 04/11/2022, Số tiền vay: 123.000.000 đồng.

1.21. Giấy nhận nợ số LD2231200195 ký ngày 08/11/2022, Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng.

1.22 Giấy nhận nợ số LD2231300242 ký ngày 09/11/2022, Số tiền vay: 900.000.000 đồng.

1.23 Giấy nhận nợ số LD2233200048 ký ngày 28/11/2022, Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng.

1.24. Giấy nhận nợ số LD2234800251 ký ngày 14/12/2022, Số tiền vay: 950.000.000 đồng.

2. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng Quốc tế doanh nghiệp số 1582732 ngày 26/8/2020 cấp cho ông Nguyễn Thành H3 bà Đỗ Phương T2 sau:

- Ông Nguyễn Thành H4 tài khoản thẻ: 3041127543.

+ Hạn mức: 250.000.000 đồng.

+ Dư nợ thẻ: 255.279.758 đồng.

+ Lãi thẻ: 615.450 đồng.

- Bà Đỗ Phương T3 tài khoản thẻ: 3435945955.

+ Hạn mức: 250.000.000 đồng.

+ Dư nợ thẻ: 251.382.786 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty Đ vi phạm hợp đồng; tính đến ngày 08/8/2023, Công ty Đ nợ S1 số tiền là 16.637.357.618 đồng; trong đó: Nợ gốc 15.504.259.818 đồng, nợ lãi trong hạn 320.782.962 đồng, nợ lãi quá hạn 804.763.100 đồng, nợ lãi đến hạn chậm trả 7.569.738 đồng.

Nay S1 yêu cầu Công ty Đ phải trả toàn bộ số tiền nợ trên cho S1 và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp Công ty Đ trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25 tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM819807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q ngày 30/12/2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1814100223 ngày 22/5/2018; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1814100223-01 ngày 17/5/2019; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-04 ngày 16/5/2022.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số nợ thì Công ty Cổ phần Đ6 tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khi trả hết nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Xuân H5 người đại diện hợp pháp của bị đơn

Công ty Cổ phần Đ; đồng thời, ông H1 còn là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành H6 Đỗ Phương T4 bày:

Thừa nhận Công ty Đ vay của S1 và hiện còn nợ số tiền như S1 trình bày là đúng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Thành H3 bà Đỗ Phương T5 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, diện tích 792,0 m² tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM819807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q ngày 30/12/2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1814100223 ngày 22/5/2018; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1814100223-01 ngày 17/5/2019; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-04 ngày 16/5/2022.

Do hoàn cảnh kinh tế và dịch bệnh khó khăn nên Công ty Đ trả được nợ cho Ngân hàng đúng thời hạn dẫn đến nợ quá hạn. Công ty Đ và ông Nguyễn Thành H6 Đỗ Phương T6 ý trả nợ và xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc Công ty Cổ phần Đ7 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền là 16.637.357.618 đồng; trong đó: Nợ gốc 15.504.259.818 đồng, nợ lãi trong hạn 320.782.962 đồng, nợ lãi quá hạn 804.763.100 đồng, nợ lãi đến hạn chậm trả 7.569.738 đồng (tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 08/8/2023) và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã ký kết (Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-01 ngày 16/6/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-04 ngày 16/5/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp số 1582732 ngày 26/8/2020 kể từ ngày 09/8/2023 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

2. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ5 trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25 phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM819807, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận CS06328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Qcấp ngày 30/12/2017 để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1814100223 ngày 22-5-2018; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1814100223-01 ngày 17/5/2019; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-04 ngày 16/5/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau khi xử lý tài sản, nếu không đủ trả nợ, Công ty Cổ phần Đ8 tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Công ty Cổ phần Đ8 chịu 124.637.357 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền tạm ứng án phí 61.752.000 đồng theo biên lai thu số 0004543 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng Công ty Cổ phần Đ8 chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4 tạm nộp và chi phí xong nên Công ty Cổ phần Đ8 hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Công ty Cổ phần Đ có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Công ty Cổ phần Đ5 đồng ý với số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và nợ lãi đến hạn chậm trả tạm tính đến ngày 08/8/2023; Theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600174-04 ngày 16/5/2022 thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 13/5/2023 kể từ ngày ký thỏa thuận nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S—chi nhánh Q2 đơn phương chấm dứt hợp đồng và khởi kiện vào ngày 23/02/2023 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/01/2024, ông Nguyễn Xuân H5 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe, nhưng ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sức khỏe của ông không đảm bảo để tham dự phiên tòa; đồng thời, trong đơn này ông H1 xác định nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận việc hoãn phiên tòa thì theo pháp luật quy định xét xử vắng mặt ông. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn đề nghị hoãn phiên tòa của ông H1 và tiến hành xét xử vắng mặt ông H7

[2] Xét các yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ:

[2.1] Về nội dung kháng cáo “*Công ty Cổ phần Đ5 đồng ý với số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và nợ lãi đến hạn chậm trả tạm tính đến ngày 08 tháng 8 năm 2023*” của Công ty Đ:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 (Bút lục từ 158 đến 163), Bản tự khai (Bút lục 189, 190), Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (Bút lục 214, 215), thể hiện S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc Công ty Đ trả nợ cho S1 bao gồm các khoản là tiền nợ gốc, tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số LD1913600171 ký ngày 17/5/2019 và các thỏa thuận, sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ; và theo Dư nợ thẻ tín dụng bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn và phần “*Tiền lãi được tiếp tục tính cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được ký kết trong hợp đồng tín dụng*”.

Tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1913600171 được ký kết giữa Ngân hàng S1 và Công ty Đ quy định về lãi suất và phương pháp tính lãi trong đó: “*Tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ thực tế vào cuối ngày và thời gian vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn nợ theo quy định của hợp đồng này và Văn kiện tín dụng. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong Văn kiện tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Trường hợp chậm trả lãi thì bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Xuân H8— là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Đ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H8 và T7 ý trả toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 08/8/2023 cho S1 với tổng số tiền là 16.637.357.618 đồng; trong đó nợ gốc 15.504.259.818 đồng, nợ lãi trong hạn 320.782.962 đồng, nợ lãi quá hạn 804.763.100 đồng, nợ lãi đến hạn chậm trả 7.569.738 đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng Công ty Đ đồng ý với số tiền nợ lãi trong hạn, nợ

lãi quá hạn và nợ lãi đến hạn chậm trả tạm tính đến ngày 08/8/2023 là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty Đ rằng “*Theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600174-04 ngày 16/5/2022 thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 13/5/2023 kể từ ngày ký thỏa thuận nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S– chi nhánh Q2 đơn phương chấm dứt hợp đồng và khởi kiện vào ngày 23/02/2023 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty*”, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung tại Các điều khoản chung về cấp tín dụng được đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 thì tại mục 1.5 quy định “*S1 được toàn quyền quyết định (nhưng không có nghĩa vụ) điều chỉnh HMTD, ngưng cấp tín dụng, chấm dứt cấp tín dụng và/hoặc thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:...1.5. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm các văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác với S1 cho dù có liên quan hay không có liên quan đến Hợp đồng này*”. Như vậy, S1 được toàn quyền quyết định nếu bên được cấp tín dụng vi phạm hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi suất thì Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, S1 đã ban hành các Thông báo số 01/TB-QNI ngày 03/02/2023, số 02/TB-QNI ngày 07/02/2023, số 03/TB-QNI ngày 08/02/2023 và số 04/TB-QNI ngày 10/02/2023 (Bút lục từ 105 đến 108); đồng thời, S1 tiến hành lập biên bản làm việc với Công ty Đ vào các ngày 07/02/2023, 08/02/2023, 10/02/2023, 14/02/2023 (Bút lục từ 109 đến 112) để đề nghị Công ty Đ trả nợ gốc và lãi đúng hạn, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ chối ký vào biên bản làm việc. Đến ngày 14/02/2023, Công ty Đ vẫn bản gửi S1 đề nghị gia hạn nợ gốc và nợ lãi, lý do chậm trả là do tình hình dịch bệnh Covid – 19 bùng phát nên kinh tế thị trường xây dựng có phần chững lại, Công ty Đ xin gia hạn nợ gốc và nợ lãi đến ngày 20/8/2023. Như vậy, việc Công ty Đ liên tục trễ hạn trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 và các thỏa thuận, sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng, cũng như không hợp tác làm việc với S1 liên quan đến việc trả nợ. Do đó, S1 căn cứ theo quy định tại mục 1.5 Các điều khoản chung về cấp tín dụng được đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 để đơn phương chấm dứt hợp đồng và tiến hành khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc Công ty Đ nợ gốc, lãi là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo này của Công ty Đ không có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Đ. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty Đ phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006924 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Buộc Công ty Cổ phần Đ7 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền là 16.637.357.618 đồng (*Mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn, sáu trăm mười tám đồng*); trong đó: Nợ gốc 15.504.259.818 đồng, nợ lãi trong hạn 320.782.962 đồng, nợ lãi quá hạn 804.763.100 đồng, nợ lãi đến hạn chậm trả 7.569.738 đồng (tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 08/8/2023) và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã ký kết (Hợp đồng tín dụng số LD1913600171 ngày 17/5/2019 và các Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-01 ngày 16/6/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1913600171-04 ngày 16/5/2022; Hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp số 1582732 ngày 26/8/2020), kể từ ngày 09/8/2023 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

2. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ5 trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM819807, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1814100223 ngày 22/5/2018; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1814100223-01 ngày 17/5/2019; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

LD1814100223-02 ngày 16/11/2020; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-03 ngày 22/6/2021; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1814100223-04 ngày 16/5/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Sau khi xử lý tài sản, nếu không đủ trả nợ, Công ty Cổ phần Đ4 phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty Cổ phần Đ8 chịu chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4 tạm nộp và chi phí xong, nên Công ty Cổ phần Đ8 hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ8 chịu 124.637.357 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 tiền tạm ứng án phí 61.752.000 đồng (*Sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004543 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006924 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Dũng